

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; trên cơ sở văn bản số 1349/SKHĐT-TH ngày 17/6/2019, văn bản số 1553/SKHĐT-TH ngày 10/7/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020,

Ủy ban nhân dân báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, AN NINH – QUỐC PHÒNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019 VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

I. Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng 6 tháng đầu năm 2019

1. Về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế

Tổng giá trị sản xuất (tính theo giá SS 2010) thực hiện 6 tháng đầu năm là 4.273,01 tỷ đồng, đạt 59,9% kế hoạch, tăng 12,75% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó:

- Công nghiệp - Xây dựng 2.406,52 tỷ đồng, đạt 70,24% kế hoạch, tăng 10,35% so với cùng kỳ năm 2018,

- Thương mại - dịch vụ 1.545,29 tỷ đồng, đạt 50,65% kế hoạch, tăng 16,72% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nông - lâm - thủy sản 321,2 tỷ đồng, đạt 48,95% kế hoạch, tăng 12,73% so với cùng kỳ năm 2018.

2. Về ổn định kinh tế và kiểm soát lạm phát

a. Về chỉ số giá tiêu dùng

- Giá cả, chỉ số giá tiêu dùng: Sức mua của xã hội nhìn chung chỉ tăng cao trong dịp Tết nguyên đán, các ngày Lễ lớn đầu năm, sau đó trở lại bình thường. Mạng lưới cung cấp, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn phân bố rộng khắp, đảm bảo cung đáp ứng cầu, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt hàng hóa, hàng Việt Nam chất lượng cao chiếm thị phần ngày càng nhiều. Các lực lượng chức năng thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về quản lý giá. Giá cả hàng hóa một số mặt hàng thiết yếu tạm ổn định, riêng giá một số mặt hàng tăng trong các tháng đầu năm như lúa, gạo, xăng dầu, gas, sắt thép xây dựng; giá thịt heo hơi giảm.

b. Về thu chi NSNN

- Tổng thu ngân sách nhà nước (đến ngày 30 tháng 6) đạt 53,932 tỷ đồng, đạt 58,58% dự toán 2019.

- Chi ngân sách (đến ngày 30 tháng 6) là 125,358 tỷ đồng, đạt 42,04% dự toán 2019.

3. Về tình hình sản xuất, kinh doanh một số ngành, lĩnh vực

a. Về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản tính theo giá hiện hành dự ước 503,96 tỷ đồng, theo giá so sánh 2010 là 321,2 tỷ đồng đạt 48,95%KH, tăng 12,73 % so với cùng kỳ năm trước.

- Lũy kế đến ngày 10/7/2019, tổng diện tích gieo trồng trên toàn địa bàn thị xã là 7.114 ha, đạt 74,25% KH gieo trồng cả năm¹. Thời tiết trong vụ Đông Xuân 2018-2019 không thuận lợi, cuối vụ nắng nóng kéo dài làm thiệt hại 41,98 ha cây trồng các loại, trong đó lúa 2 vụ thiệt hại 20,19 ha, lúa tăng vụ 8,39 ha, ngô lai 13,3 ha.

- Tổng đàn vật nuôi có chiều hướng giảm dần, nguyên nhân chủ yếu do giá thịt heo hơi và thịt bò giảm trong các tháng đầu năm. Trong đó, đàn heo giảm mạnh. Tính đến ngày 01/4/2019, đàn trâu có 430 con, bằng 87,76%KH, tăng 1,90% so với cùng kỳ; đàn bò có 13.818 con, bằng 88,58%KH, giảm 8,52% so với cùng kỳ; đàn heo có 12.870 con, bằng 67,74% KH, giảm 28,35% so với cùng kỳ năm 2018. Hiện tại, trên địa bàn thị xã không có trang trại chăn nuôi quy mô lớn. Tuy nhiên, các cơ quan chức năng cũng tăng cường tuyên truyền, khuyến khích nông dân mở rộng quy mô chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung, hình thành trang trại vừa và nhỏ mang lại giá trị kinh tế cao cho người sản xuất. Công tác phòng, chống dịch bệnh, giám sát chăn nuôi, hướng dẫn và tư vấn chăm sóc vật nuôi tiếp tục được giám sát chặt chẽ. Trong đó, đặc biệt chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh lở mồm long móng, dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn. Trên địa bàn không có ổ dịch bệnh nào xảy ra, các dịch bệnh thông thường được can thiệp kịp thời.

- Các ngành chức năng thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng nhân dân tham gia quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR)². Đôn đốc các địa phương, các đơn vị chủ rừng, tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR trong mùa khô năm 2019. Từ đầu năm đến nay, không để xảy ra vụ cháy rừng nào. Công tác bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm chỉ đạo triển khai động bộ, tăng cường tuyên truyền, vận động đẩy mạnh phong trào trồng cây phân tán trên địa bàn năm 2019. Hiện nay, trên địa bàn thị xã có 182,09 ha diện tích rừng phòng hộ, 402,21 ha diện tích rừng tự nhiên, 3.856,96 ha diện tích rừng trồng.

- Công tác thủy lợi được tăng cường. Các cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra, rà soát các công trình thủy lợi để có kế hoạch tu sửa phục vụ sản xuất nông nghiệp, đảm bảo tưới nước đến tận mặt ruộng. Trên địa bàn thị xã hiện nay có khoảng 520 ha mặt nước sản xuất thủy sản (trong đó, diện tích nuôi trồng là 40ha, diện tích khai thác tự nhiên

¹ Cây lương thực có hạt: 555 ha, đạt 35,37% KH, giảm 2,29% so với cùng kỳ 2018; cây tinh bột có củ: 2.146 ha, đạt 90,17% KH, tăng 42,31% so với cùng kỳ 2018; cây thực phẩm: 1.081 ha, đạt 54,76 % KH, tăng 8,43% so với cùng kỳ 2018; cây CN ngắn ngày: 2.186 ha, đạt 101,37%KH, tăng 2,07% so với cùng kỳ 2018; cây hoa màu khác (ớt, hoa, cây cảnh, cỏ chăn nuôi...): 306 ha, đạt 52,76%KH, tăng 22,89% so với cùng kỳ 2018; cây ăn quả, cây dược liệu: 77 ha, đạt 25,67% KH, tăng 102,63% so với cùng kỳ 2018.

² Hạt kiểm lâm thị xã phối hợp với các cấp, ngành tổ chức tuyên truyền 08 đợt tại 08 thôn, làng của 04 xã Song An, Cửu An, Tú An, Xuân An với 757 lượt người tham gia.

khoảng 480 ha); sản lượng thủy sản trên địa bàn ước 6 tháng đầu năm đạt 3 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng 65 tấn. Trên địa bàn không xảy ra bệnh trên thủy sản nước ngọt.

b. Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng

Giá trị sản lượng công nghiệp – xây dựng 6 tháng đầu năm 2019, theo giá so sánh 2010 là 2.406,52 tỷ đồng, đạt 70,24%KH, tăng 10,35% so với cùng kỳ năm 2018. Theo giá hiện hành là 3.914,08 tỷ đồng.

Các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng hoạt động tương đối ổn định. Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu góp phần tăng tổng giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn là đường tinh, mật rỉ, điện sản xuất, ván sợi cứng MDF, điện thương phẩm, tinh bột sắn, nước máy thương phẩm và hoạt động của hộ kinh doanh cá thể.

Nhìn chung các sản phẩm đều tăng so với cùng kỳ 2018. Trong đó, tinh bột sắn đạt 22.040 tấn, tăng 15,53% so với cùng kỳ 2018, nước sinh hoạt 620.000 m³, tăng 68,61% so với cùng kỳ 2018; đường tinh 112.645 tấn, tăng 4,69% so với cùng kỳ năm 2018...

c. Về thương mại, dịch vụ

- Ngành thương mại, dịch vụ phát triển khá nhanh. Giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010) 6 tháng đầu năm đạt 1.545,29 tỷ đồng, bằng 50,65%KH, tăng 16,72% so với cùng kỳ 2018.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn trung bình (theo giá hiện hành) 6 tháng là 2.142,25 tỷ đồng, bằng 56,38%KH, tăng 27,51% so với cùng kỳ năm 2018.

- Nhìn chung, công tác vận tải hàng hóa và vận chuyển hành khách được duy trì thực hiện, đáp ứng kịp thời nhu cầu đi lại và giao thông buôn bán của nhân dân, đặc biệt trong những đợt cao điểm như dịp Tết Nguyên đán, kỳ lễ 30/4-01/5 và dịp hè.

+ Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách tăng so cùng kỳ năm trước. Vận chuyển hàng hóa đạt 761.500 tấn, tăng 13,32% so với cùng kỳ năm trước; vận chuyển hành khách đạt 520.500 hành khách, tăng 16,18% so với cùng kỳ năm trước.

+ Công tác quản lý nhà nước về giao thông, vận tải cũng được tăng cường. Các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm gây mất trật tự an toàn giao thông.

- Thông tin, truyền thông: Mạng lưới bưu chính viễn thông được hiện đại hóa, chất lượng dịch vụ được nâng cao, đảm bảo thông tin thông suốt phục vụ mọi nhu cầu thông tin liên lạc của địa phương. Hiện nay, toàn thị xã có 4/5 bưu điện văn hóa xã có mạng Internet phục vụ các nhu cầu của nhân dân; chất lượng và phủ sóng phát thanh, truyền hình đạt 100% trên toàn địa bàn thị xã.

- Du lịch: Công tác bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống dân tộc luôn được chú trọng tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng và phong phú. Thị xã đã thực hiện xây dựng các phóng sự, bài viết tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá hình ảnh vùng đất – con người An Khê trên các phương tiện báo, đài, các trang mạng xã hội. Tiếp tục triển khai Kế hoạch phát triển du lịch năm 2019, Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với di tích lịch sử - văn hóa Tây Sơn Thượng Đạo, di tích Đá Cũ Rộc Tung. Hoàn thành hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh của 03 di tích (Đình, miếu Tân Lai; Đình Tân An; Miếu Thanh Minh). Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ

chức thành công Hội thảo Khoa học quốc tế lần thứ hai về khảo cổ học tại thị xã An Khê năm 2019. Tổ chức “Tuần lễ sơ kỳ Đá Cũ An Khê” tại Bảo tàng Tây Sơn Thượng Đạo và khu di tích khảo cổ Rộc Tung, đón tiếp 4.300 lượt khách của 80 đoàn trong và ngoài thị xã đến tham quan. Trong kỳ, có 7.686 lượt khách tham quan khu di tích Tây Sơn Thượng Đạo, di tích khảo cổ Rộc Tung.

4. Về đầu tư phát triển, quản lý đô thị

- Vốn đầu tư toàn xã hội ước 6 tháng đầu năm ước 879 tỷ đồng, đạt 50,23%KH, hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được đầu tư mới và cải tạo nâng cấp tương đối đồng bộ.

- Tổng giá trị thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước (đến ngày 30/6/2019) là 36.755 triệu đồng, đạt 40,4% so với kế hoạch. Tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn đầu tư phát triển do thị xã quản lý (đến ngày 30/6/2019) là 35.979 triệu đồng, đạt 39,5% kế hoạch vốn. Các cơ quan chức năng cũng đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình đã được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công năm 2019.

- Tập trung công tác quy hoạch, quản lý đô thị. Đẩy nhanh tiến độ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã An Khê đến năm 2035.

- Công tác chỉnh trang đô thị được đẩy mạnh, hệ thống giao thông và kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị từng bước được đầu tư mới và cải tạo nâng cấp theo hướng đồng bộ; hệ thống thoát nước, vỉa hè cây xanh, điện, đường và hoạt động dịch vụ đô thị được mở rộng tạo văn minh, mỹ quan đô thị, diện mạo đô thị được hình thành và ngày càng khởi sắc.

5. Thực hiện 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020

a. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính

- Ngay từ đầu năm 2019, Ủy ban nhân dân thị xã An Khê đã tập trung cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trong tất cả các lĩnh vực nhằm cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp, người kinh doanh: rút ngắn thời gian xử lý các TTHC, bảo đảm công khai, minh bạch tất cả các TTHC để người kinh doanh được biết; không gây phiền hà, sách nhiễu khi các doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh đến liên hệ làm việc.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả mô hình một cửa điện tử với đầy đủ trang thiết bị đảm bảo theo quy định. Tổng số dịch vụ công trực tuyến 332 dịch vụ (Trong đó: Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2 là 303 dịch vụ; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 29 dịch vụ).

- Thực hiện công khai, minh bạch các định hướng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; danh mục các dự án kêu gọi đầu tư sản xuất kinh doanh; phổ biến rộng rãi tiềm năng phát triển của thị xã An Khê; các cơ chế, chính sách đầu tư, hoạt động của các nhà đầu tư... để định hướng cho doanh nghiệp có thể tiếp cận, tham gia bình đẳng các nguồn lực phát triển

b. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ

- Tập trung phát triển nguồn lao động có tay nghề cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động trên địa bàn thị xã, trong và ngoài tỉnh: Ngay từ đầu năm, thị xã đã thực hiện xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn với số lượng 95 học viên; thực hiện tuyên truyền, khuyến khích người lao động trên địa bàn tham gia các chương trình đào tạo nghề theo các lĩnh vực ưu tiên phát triển của thị xã.

- Phát triển nguồn lực cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) trên địa bàn có trình độ cao: Trong 6 tháng đầu năm 2019, Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Quyết định cử 34 CBCC tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn, cụ thể: bồi dưỡng kiến thức Quản lý hành chính nhà nước ngạch chuyên viên chính: 01 người, ngạch chuyên viên: 02 người; bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra viên: 01 người; bồi dưỡng chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã: 07 người; bồi dưỡng chức danh Văn phòng - Thống kê, Văn hóa - Xã hội, Tài chính - Kế toán, Địa chính - Xây dựng: 15 người; tập huấn Chính trị viên phó, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã: 08 người; đăng ký 01 cán bộ tham gia dự tuyển lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên cao cấp.

- Thị xã cũng đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ Tướng Chính phủ ngày 04/5/2017 về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; yêu cầu CBCCVC trên địa bàn tăng cường rèn luyện, học tập nâng cao những kỹ năng, kiến thức cơ bản, tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi với yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

c. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ

- Hệ thống giao thông trong 6 tháng đầu năm đã được chú trọng đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn ngân sách, các chương trình mục tiêu quốc gia với sự đóng góp rất lớn của nhân dân, các công trình làm đường bê tông xi măng, giao thông ven đô, giao thông nội đồng... đã góp phần nâng cao kết cấu hạ tầng phục vụ nhu cầu của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong 6 tháng, thực hiện làm mới 370m đường giao thông nông thôn, 2 km đường giao thông nội đồng; thực hiện vá mặt đường BTN nguội (đá dăm đen) dày 3-5 cm các tuyến đường Hoàng Hoa Thám, Đỗ Trạc; san gạt các tuyến đường đất xung quanh khu di tích Tây Sơn Thượng Đạo.

- Hạ tầng cụm công nghiệp thị xã An Khê: Thực hiện Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 03/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thành lập Cụm công nghiệp An Khê; Ủy ban nhân dân thị xã đã triển khai lập Quy hoạch chi tiết 1/500 với diện tích 50,65 ha; đến nay đã có một số Công ty đầu tư³. Về hạ tầng cụm công nghiệp, trong 6 tháng thực hiện xây dựng xong trục đường quy hoạch D1 (779m); đang chuẩn bị thi công đường D2 (874 m) và D4 (544m), tuy nhiên hiện nay đang bị vướng trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thi công.

- Cấp điện: Hiện nay trên địa bàn thị xã có các tuyến điện cao thế đi qua gồm tuyến cao thế 220kV, Tuyến 110 kV từ Pleiku đi Quy Nhơn Tổng chiều dài đường dây trung thế 169,37 km; tổng số trạm biến áp là 150 trạm với tổng dung lượng 36,8 MVA; tổng chiều dài đường dây hạ thế dài 187,05 Km; số hộ sử dụng điện đạt tỷ lệ 99,97%. Trong 6 tháng, nhà máy điện sinh khối An Khê sản xuất được 40,351 Tr.kwh, góp phần phục vụ nhu cầu phát

³Công ty TNHH MTV Tân Long Granite Gia Lai chế biến đá granit, bazan với năng lực sản xuất 60.000 m²/năm; công ty TNHH Phúc Tân Kiều chế biến đá granit, bazan với năng lực sản xuất 45.000 m²/năm; xí nghiệp cơ giới nông nghiệp An Khê thuộc Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi chuyên trồng, cày, bừa, chăm sóc, thu hoạch mía, sửa chữa, bảo dưỡng cơ giới nông nghiệp.

triển công nghiệp điện trên địa bàn. Hiện nay, hạ tầng về điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn thị xã cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu.

- Cung cấp nước: Công ty cổ phần nước Sài Gòn – An Khê thực hiện cung cấp 620.000 m³ nước máy. Nhìn chung, tình hình cung cấp nước máy hiện tại trên địa bàn thị xã cơ bản đáp ứng được yêu cầu về sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn thị xã.

- Viễn thông: Hiện nay, thị xã đã xây dựng được 04/5 điểm Bưu điện văn hóa xã có mạng Internet phục vụ các nhu cầu của nhân dân; số trạm thu - phát sóng di động (BTS) trên địa bàn là 62 trạm; chất lượng và phủ sóng phát thanh, truyền hình đạt 100% trên toàn địa bàn thị xã. Trên địa bàn thị xã có 42 đại lý thông tin di động, 20 đại lý Internet; có 04 nhà cung cấp dịch vụ (VNPT, Viettel, FPT và SCTV). Tổng số thuê bao Internet trên địa bàn thị xã có khoảng 78.408 thuê bao, trong đó: Internet di động tăng mạnh với 69.444 thuê bao (chiếm 88,57%) và Internet cố định là 8.964 thuê bao. Hạ tầng CNTT trên địa bàn thị xã đã từng bước được hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu để triển khai các ứng dụng CNTT trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Đến nay, 100% các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn có hệ thống mạng LAN, mạng internet tốc độ cao (FTTH).

- Hạ tầng thủy lợi: Hiện nay, trên địa bàn thị xã An Khê có 175 công trình thủy lợi (ao, bầu, đập) phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (Trong đó, 165 công trình hiện đang sử dụng; 10 công trình bị bồi lắng, mất hiện trạng). Các công trình thủy lợi trên địa bàn thị xã có năng lực tưới nhỏ (dưới 20 ha) nên nguồn kinh phí trong quản lý, khai thác các công trình thủy lợi không đảm bảo để sử dụng cho nhiệm vụ bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (quy định tại Khoản 1, Điều 6, Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT). Trên địa bàn có 03 trạm bơm điện (xã Tú An, Thành An và phường An Phước), chỉ có trạm bơm điện xã Tú An hoạt động thường xuyên, nhưng hiệu quả chưa cao, chỉ đáp ứng được khoảng 50% năng lực thiết kế.

6. Về môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh.

Môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, giúp cho tất cả thành phần kinh tế trên địa bàn phát triển khá về số lượng và chất lượng:

a. Lĩnh vực kinh tế tập thể

Tổng số HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012 đến thời điểm hiện tại là 09 HTX. Trong đó có 06 HTX nông nghiệp (chiếm 66,67%), 03 HTX phi nông nghiệp là 01 quỹ tín dụng, 02 HTX vận tải (chiếm 33,33%). Các HTX hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Có nhiều HTX mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, như HTX Dịch vụ nông nghiệp An Bình đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất nước tinh khiết đóng chai diện tích 120m² với công suất 800 lít/ngày; HTX nông nghiệp Tú An 1 thực hiện sản xuất rau sạch, trồng 02 ha cà gai leo, 03 sào măng tây...

Đầu năm Tổ hợp tác trồng hoa phồng Ngô Mây được thành lập và hoạt động trong lĩnh vực trồng hoa trên diện tích 02ha.

Trong 6 tháng đầu năm, thị xã đã đăng ký sản phẩm tham gia Hội chợ xúc tiến thương mại và công nghệ HTX năm 2019; cử 21 học viên của các xã, phường và HTX nông nghiệp trên địa bàn tham gia lớp đào tạo “Giám đốc HTX cho cán bộ trẻ năm 2018-2019” do Trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn II (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai tổ chức trên địa bàn thị xã.

b. Lĩnh vực kinh tế tư nhân

Tính đến nay, toàn địa bàn thị xã có gần 4.000 hộ kinh doanh cá thể. Trong 6 tháng đầu năm, cấp mới 112 hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, cấp đổi 23 hồ sơ, cấp lại 07 hồ sơ, số hộ nghỉ kinh doanh là 33 hộ.

Số Doanh nghiệp đăng ký mới trên địa bàn 6 tháng đầu năm là 15 doanh nghiệp, đạt 30%KH tỉnh giao (tỉnh giao thành lập 50 doanh nghiệp), nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn lên 255 doanh nghiệp, phần lớn là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Các doanh nghiệp mang nặng tính gia đình, chưa có sự liên kết với nhau hoặc với thành phần kinh tế khác; năng lực cạnh tranh chưa cao; sản phẩm chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trên địa bàn; sản phẩm hàng hóa chưa có sức cạnh tranh cao trên thị trường.

7. Về thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng (nêu tái cơ cấu theo ngành, lĩnh vực).

Trong 6 tháng đầu năm, việc tái cơ cấu các ngành kinh tế trên địa bàn đã đạt được một số thay đổi về chuyển dịch tỷ trọng các ngành. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ dần chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị sản xuất trên địa bàn. Nền kinh tế thị trường ngày càng rõ nét, từng bước đa dạng hóa đối tác, đa dạng hóa thị trường và đa dạng hóa sản phẩm.

- Thị xã tiếp tục rà soát lại các quy hoạch thuộc lĩnh vực ngành công nghiệp trên địa bàn có thể mạnh, phù hợp với quy hoạch ngành của toàn tỉnh. Tập trung thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp thị xã, với các ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, công nghiệp cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng hiện đại.

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp đảm bảo cân đối cung cầu, nhất là đối với mặt hàng thiết yếu; triển khai tích cực Chương trình bình ổn thị trường góp phần bảo đảm mục tiêu kiểm soát lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội. Nâng cao chất lượng dịch vụ trên địa bàn, nhất là các dịch vụ có thể mạnh trên địa bàn như: Dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn, ăn uống...

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khuyến khích nông nghiệp xanh, sạch, khuyến khích sản xuất các mặt hàng nông sản có giá trị cao. Các cơ quan chức năng trên địa bàn phối hợp với các nhà máy chế biến trên địa bàn trong việc thực hiện kế hoạch trồng trọt, cung ứng nguyên liệu để ổn định sản xuất trong 6 tháng cuối năm. Thực hiện có hiệu quả chương trình khuyến công để hỗ trợ các thành phần kinh tế ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

8. Về các lĩnh vực xã hội

a. Giáo dục đào tạo

Hiện nay, trên địa bàn thị xã có 28 trường công lập⁴, có 04 trường mầm non tư thục, 65 nhóm lớp/1405 trẻ. Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn là 24/28, đạt tỷ lệ 85,71% (đã bao gồm 02 trường THPT).

Công tác dạy và học ở các trường được duy trì tốt, đúng nội dung, phân phối chương trình và khung chương trình theo quy định; duy trì hiệu quả hoạt động sinh hoạt cụm chuyên môn ở 3 cấp học trên địa bàn. Đến nay, năm học 2018 -2019 trên địa bàn đã

⁴ Mẫu giáo 09 trường; Tiểu học 07 trường; Tiểu học và Trung học cơ sở 02 trường; Trung học cơ sở 06 trường; Trung học phổ thông 04 trường

kết thúc; công tác kiểm tra, đánh giá, xếp loại, xét tốt nghiệp các cấp, tổng kết năm học 2018-2019 đảm bảo quy chế, kịp thời theo yêu cầu.

b. Khoa học và công nghệ

Trong 6 tháng đầu năm, hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ trên địa bàn thị xã đạt được nhiều kết quả khả quan. Nhiều doanh nghiệp trên địa bàn đã thực hiện ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào trong sản xuất, nâng cao chất lượng, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường, nhất là việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào lĩnh vực phát triển nông nghiệp giúp tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, lĩnh vực sản xuất rau an toàn, rau VietGap,...

Đối với các dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ do thị xã thực hiện: Tiếp tục theo dõi, giám sát tình hình thực hiện dự án “xây dựng nhãn hiệu chứng nhận rau An Khê”; đang hoàn tất thủ tục kết thúc dự án “xây dựng mô hình sản xuất giống hoa trang trí và giống cây đường phố theo hướng công nghệ cao trên địa bàn thị xã An Khê”.

c. Tình hình lao động, việc làm

Công tác lao động, giải quyết việc làm ngày càng được chú trọng; đã xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019 cho 95 học viên và đơn đốc xã, phường triển khai đăng ký học nghề cho lao động nông thôn tại Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Đông Gia Lai; thực hiện tuần Lễ quốc gia an toàn vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ lần thứ 20 năm 2019. Trong 6 tháng đầu năm, trên địa bàn có 42.653 lao động đang làm việc, giải quyết việc làm cho 674 lao động đạt 60,72%KH.

d. Công tác an sinh xã hội

- Tăng cường công tác giảm nghèo trên địa bàn thị xã; thực hiện hướng dẫn xã, phường cấp sổ hộ nghèo giai đoạn 2018-2020; xây dựng Kế hoạch giảm nghèo năm 2019; phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã An Khê và Điện lực An Khê hỗ trợ xây mới 01 nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn thị xã. Tổng số hộ nghèo phát sinh trong 6 tháng đầu năm là 05 hộ.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho các đối tượng quản lý (người có công, Bảo trợ xã hội, người nghèo), tổ chức thăm hỏi đối tượng chính sách, người có công, tặng quà và tổ chức cho người nghèo ăn Tết Mậu Tuất kịp thời, an toàn, tiết kiệm (Thực hiện cấp 640 thẻ BHYT cho đối tượng chính sách người có công; chi trả trợ cấp cho 428 đối tượng người có công; tổ chức thăm và tặng quà cho đối tượng chính sách dịp Tết nguyên đán với 2.092 suất quà; cấp 1.844 thẻ BHYT cho các đối tượng bảo trợ xã hội...)

- Triển khai thực hiện kế hoạch công tác bình đẳng giới, thực hiện các chế độ chính sách đối với trẻ em nghiêm túc, đúng quy định. Triển khai rà soát các đối tượng khuyết tật có nhu cầu khám sàng lọc và điều trị năm 2019 cho 29 đối tượng.

- Các ngành chức năng tăng cường công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đặc biệt là trong các ngày dịp Lễ, Tết.

đ. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Toàn thị xã hiện có 05/11 trạm y tế có bác sĩ, 11/11 trạm có cán bộ y học cổ truyền; có 25/25 thôn, làng có cán bộ y tế thôn làng hoạt động. Đến nay, đã có 11/11 trạm y tế xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo Bộ tiêu chí giai đoạn đến năm 2020). Ngành y tế chú trọng công tác y tế cơ sở, đáp ứng kịp thời nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân, đảm

bảo trực cấp cứu 24/24. Ngoài ra, các đơn vị y tế trên địa bàn thị xã thường xuyên được củng cố, đầu tư, nâng cấp về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị y tế; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Tổng số giường bệnh toàn thị xã là 175 giường (trong đó Trung tâm Y tế An Khê có 120 giường, trạm y tế các xã, phường 55 giường). Tổng số bác sĩ hiện nay có 42 bác sĩ.

Trong kỳ có 33.580 lượt khám chữa bệnh (trong đó khám bằng bảo hiểm y tế là 30.660 lượt người). Số trẻ em được tiêm chủng đủ liều là 555 trẻ, đạt 47% KH.

Công tác tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, thực hiện phun hóa chất phòng chống diệt lăng quăng/ bọ gậy cho 09/11 xã phường, tính đến ngày 30/6/2019 trên địa bàn có 179 trường hợp mắc sốt xuất huyết. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai thường xuyên theo quy định; công tác xây dựng chuẩn quốc gia về y tế xã được quan tâm đúng mức.

Thường xuyên tuyên truyền, giám sát ngộ độc thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trên địa bàn thị xã. Tổ chức lễ phát động tháng hành động ATTP với khoảng 200 người tham dự. Trong kỳ không để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào.

e. Về hoạt động văn hóa, thể dục thể thao

Tập trung triển khai công tác tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước cũng như nhiệm vụ chính trị, kinh tế xã hội của địa phương. Tổ chức nhiều chương trình văn nghệ, hoạt động thể dục thể thao, thu hút đông đảo nhân dân đến xem. Tổ chức nhiều tiết mục văn nghệ phục vụ trong dịp Tết nguyên đán Kỷ Hợi 2019; tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 248 năm Khởi nghĩa nông dân Tây Sơn (1771-2019), 230 năm chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa (1789-2019), Hội Cầu Huê 2019.

Hoạt động thư viện: mở cửa 121 ngày, phục vụ 1.230 lượt bạn đọc, 1.540 lượt truy cập Internet, luân chuyển 6.384 bản sách xuống cơ sở.

Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao thực hiện tốt việc tiếp âm, tiếp sóng Đài THVN, TNVN và Đài PT-TH tỉnh. Tuyên truyền các hoạt động chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn; phục vụ cho nhân dân những thông tin về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn. Tổ chức sản xuất 125 chương trình phát thanh với 956 tin, bài; 28 chương trình truyền hình với 150 tin, bài, phóng sự; 07 chương trình truyền hình với 16 phóng sự. Tiếp phát chương trình của Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam và Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh với số giờ phát sóng truyền thanh FM 1.440 giờ, truyền hình 8.232 giờ.

Phong trào tập luyện thể dục thể thao ở các xã, phường và quần chúng nhân dân ngày càng phát triển. Tổ chức nhiều giải thi đấu thể thao trên địa bàn được đông đảo đơn vị, nhân dân tham gia. Công tác xã hội hóa trong thể thao ngày càng được phát triển, nhiều khu vui chơi, tập luyện thể thao được các thành phần kinh tế tham gia đầu tư (sân cầu lông, tennis, bóng đá, bóng chuyền, hồ bơi, tập thể hình...) giảm được gánh nặng đầu tư của ngân sách và đáp ứng kịp thời nhu cầu của nhân dân.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được chú trọng. Trong kỳ, tổ chức Hội thi tìm hiểu kiến thức pháp luật về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở thị xã năm 2019, có 11 đội tham gia, tham gia hội thi cấp tỉnh đạt giải nhì toàn đoàn. Công nhận danh hiệu

gia đình văn hóa năm 2018 cho 14.035/16.548 gia đình; 58/60 thôn, làng, tổ dân phố văn hóa năm 2018; 67/85 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 2018.

Mạng lưới bưu chính viễn thông được hiện đại hóa, chất lượng dịch vụ được nâng cao, đảm bảo thông tin thông suốt phục vụ mọi nhu cầu phát triển thông tin liên lạc của địa phương. Hiện nay, toàn thị xã có 4/5 bưu điện văn hóa xã có mạng Internet phục vụ các nhu cầu của nhân dân; chất lượng và phủ sóng phát thanh, truyền hình đạt 100% trên toàn địa bàn thị xã.

9. Về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

Công tác quản lý môi trường, khoáng sản ngày càng được chú trọng, tăng cường.

- Trong kỳ, chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn thường xuyên thực hiện các cuộc kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh chấn chỉnh và nâng cao công tác bảo vệ môi trường (thực hiện kiểm tra hệ thống xử lý môi trường của 10 hộ chế biến tinh bột sắn tại phường Ngô Mây; tham gia cùng Đoàn kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành hệ thống xử lý nước thải (Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai - Cơ sở 2). Trong quá trình kiểm tra, UBND thị xã đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xử lý vi phạm hành chính đối với Nhà máy đường An Khê về hành vi xả nước thải có chứa chỉ số thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật.

- Thực hiện kiểm tra khối lượng thực hiện các hạng mục công trình phục vụ đóng cửa mỏ khai thác đá tại phường Ngô Mây của Công ty cổ phần lâm nghiệp và xây dựng An Khê; phân công cơ quan chuyên môn cùng với Công an thị xã (Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy - Môi trường), UBND xã, phường kiểm tra, kiểm soát hoạt động khoáng sản trái phép trên địa bàn. Vì vậy đã góp phần hạn chế tình trạng khai cát, sỏi trái phép xảy ra trên địa bàn thị xã.

10. Về quốc phòng, an ninh.

- An ninh chính trị được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội cơ bản ổn định. Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương có bước phát triển tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chủ động nắm chắc tình hình, triển khai các chủ trương, giải pháp phòng ngừa, đấu tranh vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ. Tổ chức phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện, đấu tranh, xử lý có hiệu quả các loại tội phạm vi phạm pháp luật, kiềm chế tội phạm hình sự, kiểm soát tội phạm về tệ nạn ma túy, không để xảy ra trọng án giết người, tội phạm băng, nhóm, tội phạm phức tạp gây bức xúc dư luận, nâng cao tỷ lệ điều tra khám phá tội phạm. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, trật tự công cộng.

- Lực lượng Công an, Quân sự các cấp thực hiện nghiêm túc các chế độ trực chỉ huy, trực ban, ứng trực, đảm bảo quân số chiến đấu trong mọi tình huống. Thực hiện thống nhất và chặt chẽ công tác phối hợp. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh vững chắc.

- Tổ chức phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm pháp luật khác, kiềm chế tội phạm hình sự, chủ động đấu tranh với các loại tội phạm ma túy, tệ nạn xã hội, tỷ lệ điều tra khám phá tội phạm đạt khá cao, tích cực triển khai các

biện pháp quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng.

11. Về Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng

- Công tác thanh tra: Trong kỳ, thực hiện 03 cuộc thanh tra kinh tế - xã hội, trong đó có 02 cuộc thanh tra theo kế hoạch và 01 cuộc thanh tra đột xuất.

- Công giải quyết khiếu nại, tố cáo: Số đơn tiếp nhận trong kỳ 78 đơn (cấp huyện 40 đơn, cấp xã 38 đơn), giảm 31,58% so với cùng kỳ (giảm 36 đơn); tỷ lệ giải quyết đơn đạt 69,12% (47/68 đơn), tăng 3,86% so với cùng kỳ năm 2018. Trong 6 tháng đầu năm, trên địa bàn thị xã không có điểm nóng, không tồn tại vụ việc khiếu kiện kéo dài, phức tạp. Các nội dung của đơn thư chủ yếu phản ánh về việc xả thải trong chăn nuôi làm ô nhiễm môi trường, tranh chấp lối đi, đường nội đồng, tranh chấp đất đai, tranh chấp hợp đồng dân sự, thừa kế...

- Công tác phòng, chống tham nhũng: Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn nghiêm túc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động, các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn, quy chế chi tiêu nội bộ... Trong kỳ, thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018 đối với 69 cơ quan, đơn vị với tổng số người kê khai là 351 người, đạt 100% kế hoạch. Trong kỳ, chưa phát hiện có hành vi tham nhũng trên địa bàn thị xã.

II. Ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2019	Ước TH năm 2019	Đạt, không đạt so với Nghị quyết
I	Các chỉ tiêu kinh tế				
1	Tốc độ tăng giá trị sản xuất	%	13,03	12,94	Không Đạt
2	Cơ cấu kinh tế	%			
-	Ngành nông lâm nghiệp - Thủy sản	%	9,76	10	Đạt
-	Ngành công nghiệp - Xây dựng	%	52,26	53,51	Đạt
-	Ngành dịch vụ	%	37,97	36,49	Đạt
3	Tổng thu NSNN	Tỷ đồng	92,070	96,300	Đạt
4	Chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	298,214	359,941	Đạt
5	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	1.750	1.758	Đạt
II	Các chỉ tiêu xã hội				
1	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,1	1,1	Đạt
	Trong đó: Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,0	1,00	Đạt
2	Số lao động được tạo việc làm	Lao	1.100	1.100	Đạt

	mới trong năm	động			
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)	%	1,87	1,87	Đạt
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,28	0,28	Đạt
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	92	92	Đạt
6	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	92,86	89,29	Không Đạt
7	Số giường bệnh/vạn dân Hay Số giường bệnh không tính giường trạm y tế xã	Giường	120	120	Đạt
8	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ	%	45,45	45,45	Đạt
9	Số bác sĩ/vạn dân Hay tổng số bác sĩ	Bác sĩ	42	42	Đạt
10	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	85	85	Đạt
III Chỉ tiêu môi trường					
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	21,23	21,23	Đạt
2	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,3	100	Đạt
3	Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch	%	100	100	Đạt
4	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	93,5	94	Đạt

III. Một số giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2019

1. Về lĩnh vực kinh tế

1.1. Phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản

- Tăng cường phối hợp các đơn vị chức năng trong công tác theo dõi tiến độ sản xuất, đồng thời công tác phòng chống hạn, phòng chống dịch bệnh cho cây trồng để xử lý kịp thời; theo dõi diễn biến tình hình thời tiết khí hậu để chủ động phối hợp với các địa phương hướng dẫn nhân dân sản xuất vụ Mùa đạt hiệu quả; phối hợp với Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai mở lớp tập huấn Luật trồng trọt cho các đối tượng sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Thực hiện đánh giá tình hình triển khai các mô hình liên kết sản xuất trong nông nghiệp trên địa bàn, tạo cầu nối liên kết sâu rộng giữa các thành phần kinh tế, giữa doanh nghiệp và nông dân để phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, liên kết chuỗi giá trị; phối hợp Nhà máy đường An Khê tổ chức sơ kết đánh giá hiệu quả sản xuất mía theo mô hình cánh đồng lớn để làm cơ sở nhân rộng.

- Không để xảy ra dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; phối hợp với các ngành thực hiện công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm, công tác khử độc tiêu trùng trên địa bàn thị xã; tăng cường quản lý và giám sát công tác giống vật nuôi và tư vấn kỹ thuật chăn nuôi cho hộ; tuyên truyền và ký cam kết không buôn bán, lưu thông và sử dụng chất

cắm trong chăn nuôi với tất cả các đối tượng buôn bán, giết mổ và hộ chăn nuôi trên địa bàn; chủ động phòng bệnh lở mồm long móng, hướng dẫn các triệu chứng và biện pháp phòng ngừa bệnh dịch tả lợn Châu Phi.

- Tăng cường biện pháp quản lý rừng, PCCC rừng; triển khai thu hồi diện tích đất lâm nghiệp bị người dân lấn, chiếm và trồng lại rừng giai đoạn 2017 – 2020 trên địa bàn thị xã.

- Thường xuyên kiểm tra các công trình thủy lợi, rà soát những hạng mục hư hỏng đề xuất biện pháp khắc phục sửa chữa kịp thời.

1.2. Phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Có kế hoạch đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến nông, lâm sản lớn trên địa bàn như: đường, tinh bột sắn, gỗ tinh chế xuất khẩu, ván MDF....; tạo điều kiện cho các dự án đầu tư triển khai thuận lợi.

- Quan tâm hỗ trợ, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, tăng cường quảng bá hình ảnh, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng để mời gọi các doanh nghiệp đến đầu tư kinh doanh trên địa bàn thị xã; tăng cường các biện pháp phòng chống hàng giả, hàng lậu, hàng kém chất lượng tạo điều kiện để các thành phần kinh tế cạnh tranh kinh doanh lành mạnh.

- Tăng cường mối quan hệ, liên kết giữa các huyện thị trong khu vực để phát huy nguồn lực, tiềm năng sẵn có của các địa phương trong phát triển du lịch phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong vùng.

1.3. Công tác đầu tư, quản lý quy hoạch, đô thị

- Tập trung thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn nhà nước; rà soát các công trình chậm triển khai, vướng thủ tục, còn nợ đọng để kịp thời giải quyết theo quy định.

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2019; phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư các công trình khởi công mới thuộc kế hoạch năm 2020; tăng cường chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án và giải ngân vốn; đảm bảo đến 30/6/2019 các dự án giải ngân đạt tỷ lệ ước thực hiện theo báo cáo; đến ngày 30/9/2019 tỷ lệ giải ngân trên 60% kế hoạch vốn năm 2019 và phần đầu đến 31/01/2020 hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao

- Tiếp tục tăng cường công tác chỉnh trang đô thị, hoạt động dịch vụ đô thị.

1.4. Quản lý tài chính ngân sách

- Tăng cường công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, để đảm bảo đạt chỉ tiêu phấn đấu thu ngân sách đạt và vượt dự toán năm 2019; tập trung đôn đốc, xử lý thu hồi nợ đọng thuế.

- Công tác chi ngân sách phải được kiểm soát và thanh toán đúng chế độ quy định; điều hành có hiệu quả các hoạt động tài chính ngân sách; thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tăng cường công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính công.

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế gắn với việc giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, không bố trí kinh phí cho các việc chưa thật sự cấp bách.

2. Lĩnh vực cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp, kinh tế tập thể

- Tiếp tục tập trung cải cách hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, đặc biệt là TTHC ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của doanh nghiệp như đất đai, thuế,... Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, thực hiện dịch vụ công trực tuyến phổ biến, liên quan đến người dân, doanh nghiệp được cung cấp ở mức độ 3 và 4.

- Tiếp tục công khai các chủ trương, các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư của Trung ương, tỉnh, thị xã, các điều kiện và tiêu chí có liên quan... để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và chủ đầu tư tiếp cận nguồn lực của nhà nước như danh mục kêu gọi đầu tư, việc phân bổ nguồn vốn hỗ trợ, quy trình, thủ tục về đầu tư, quy hoạch..., tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp được đầu tư trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác giám sát, kiểm tra công chức, viên chức khi thực hiện công vụ nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các trường hợp nhũng nhiễu, hạch sách người dân, doanh nghiệp và ngăn ngừa, xử lý triệt để các hành vi tham nhũng, lãng phí. Nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực, đề cao trách nhiệm, ý thức pháp luật, chấp hành kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ.

- Trong quý IV năm 2019, thực hiện tổ chức hội nghị gặp mặt doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn thị xã để cung cấp thông tin, hướng dẫn các cá nhân, tổ chức thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên địa bàn.

3. Về lĩnh vực văn hóa – xã hội

- Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, giữa các ngành với chính quyền các cấp, giữa các cấp chính quyền nhằm phát huy dân chủ, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân để đem lại hiệu quả công tác cao hơn.

- Ngành giáo dục đào tạo chỉ đạo các trường học xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2019-2020 theo đúng quy định; tập trung công tác kiểm tra giáo dục có trọng tâm, trọng điểm ở các cấp học; tăng cường công tác kiểm tra các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập; tăng cường quản lý các nhà trường mầm non tư thục; tập trung nguồn lực nhằm tăng cường cơ sở vật chất (xây mới, sửa chữa, nâng cấp phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, công trình vệ sinh, nước sạch) trong các cơ sở giáo dục; tăng cường đầu tư xây dựng trường MG Ban Mai đạt chuẩn quốc gia; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, công tác xã hội hóa giáo dục để huy động các nguồn lực của xã hội, sự tham gia của cha mẹ chăm lo cho giáo dục.

- Ngành y tế tăng cường giám sát, theo dõi tình hình các bệnh có khả năng gây dịch để phát hiện và xử lý kịp thời; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, nhất là khám chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người nghèo, đẩy mạnh công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng cường công tác quản lý, đầu tư trang thiết bị y tế nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Ngành văn hóa, thể thao và du lịch chuẩn bị tốt cho các hoạt động nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn trong 6 tháng cuối năm. Tiếp tục tổ chức kiểm tra, chấn chỉnh các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, thông tin, truyền thông trên địa bàn đúng pháp luật, xây dựng môi trường văn hóa trên địa bàn lành mạnh.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ theo quy định đối với các đối tượng chính sách người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo. Tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 theo đúng quy định.

- Hoàn thành hồ sơ đề nghị thị xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011-2018. Tập trung triển khai xây dựng làng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã Tú An, Song An.

- Phấn đấu giải quyết trên 85% các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh; xử lý 100% các vụ việc khiếu nại, tố cáo đúng thời hạn luật định; hạn chế đơn thư vượt cấp; tổ chức thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật, phấn đấu đạt trên 80%; tiếp tục thực hiện thanh tra kinh tế - xã hội theo Kế hoạch đầu năm 2019; gắn thanh tra kinh tế - xã hội với thanh tra việc thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng.

4. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh

Duy trì nghiêm chế độ trực ban tác chiến, trực sẵn sàng chiến đấu; tích cực chỉ đạo công tác giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông, an ninh nông thôn.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI NĂM 2020

I. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội năm 2020

Năm 2020 là năm cuối nhiệm kỳ 2016 - 2020, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh việc thực hiện các mục tiêu nhằm hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Năm 2020, nền kinh tế thị xã sẽ gặp nhiều thuận lợi và khó khăn, thách thức:

- Thuận lợi: Thị xã An Khê tiếp tục giữ vai trò là vùng kinh tế động lực phía Đông của tỉnh Gia Lai, nằm ở vị trí nối liền các tỉnh duyên hải Miền Trung và các tỉnh Tây Nguyên, thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp chế biến, thương mại – dịch vụ và du lịch, nhất là du lịch văn hóa lịch sử. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững.

- Khó khăn:

+ Năm 2020, nền kinh tế thế giới vẫn đang tiềm ẩn nhiều nguy cơ do căng thẳng thương mại, bất ổn chính trị cũng như mức độ tăng trưởng không ổn định; cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tác động mạnh mẽ tạo ra những thời cơ và thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội của nước ta nói chung và thị xã An Khê nói riêng.

+ Việc phát huy những tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ nhanh, bền vững sẽ còn gặp nhiều khó khăn; an ninh xã hội vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây bất ổn; công tác bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân tiếp tục là những yêu cầu cấp bách đặt ra trong thời gian tới.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả và bền vững; tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; từng bước xây dựng kết

cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế tập thể, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, phấn đấu xây dựng thị xã An Khê thật sự là vùng kinh tế động lực phía Đông của tỉnh Gia Lai, thành đô thị loại III.

- Chú trọng nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân gắn với việc thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.

- Tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phát huy sức mạnh đoàn kết và tạo sự đồng thuận trong xã hội.

2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2020

Trên cơ sở Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 đã được HĐND thị xã thông qua, dự ước năm 2019 đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đã được HĐND thị xã thông qua, dự kiến các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2020
I	Các chỉ tiêu kinh tế		
1	Tốc độ tăng giá trị sản xuất	%	12,92
2	Cơ cấu kinh tế	%	
-	Ngành nông lâm nghiệp - Thủy sản	%	10,03
-	Ngành công nghiệp - Xây dựng	%	52,71
-	Ngành dịch vụ	%	37,26
3	Tổng thu NSNN	Tỷ đồng	81,120
4	Tổng chi NSNN	Tỷ đồng	377,024
5	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	2.100
II	Các chỉ tiêu xã hội		
1	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,11
	Trong đó: Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	0,96
2	Số lao động được tạo việc làm mới trong năm	Lao động	1.120
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)	%	1,45
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,42
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	94,2

6	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	92,86
7	Số giường bệnh/vạn dân (Số giường bệnh không tính giường trạm y tế xã)	Giường	21,43
8	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ	%	54,55
9	Số bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ	6,43
10	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	88
III	Chỉ tiêu môi trường		
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	21,5
2	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100
3	Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch	%	100
4	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	94,5

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2020

1. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020, nhằm thực hiện đồng bộ các giải pháp đầu năm 2020, phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2020 đạt từ 12,92% trở lên.

2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về xây dựng, kiểm tra, rà soát và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, thu hút đầu tư... xử lý triệt để những văn bản không còn phù hợp, đảm bảo sự thống nhất của hệ thống pháp luật; tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, thủ tục hành chính, làm cơ sở cho việc cải thiện môi trường kinh doanh, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng đạt mục tiêu đề ra năm 2020 của thị xã.

3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 24/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã An Khê về việc tiếp tục thực hiện cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của thị xã An Khê năm 2018, định hướng đến năm 2020, nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cắt giảm các điều kiện kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính... tạo động lực cho tất cả các thành phần kinh tế trên địa bàn thị xã phát triển.

- Thực hiện công khai các chủ trương, các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư của Trung ương, tỉnh, thị xã, các điều kiện và tiêu chí có liên quan... để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và chủ đầu tư tiếp cận nguồn lực của nhà nước như danh mục kêu gọi đầu tư, việc phân bổ nguồn vốn hỗ trợ, quy trình, thủ tục về đầu tư, quy hoạch..., tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp được đầu tư trên địa bàn. Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, thực hiện dịch vụ công trực tuyến phổ biến, liên quan đến người dân, doanh nghiệp được cung cấp ở mức độ 3 và 4.

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; triển khai thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp

nhỏ và vừa theo đúng quy định hiện hành; thực hiện tổ chức hội nghị gặp mặt doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn thị xã để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm 2020 theo quyết định của UBND tỉnh phê duyệt, đảm bảo mỗi doanh nghiệp không bị thanh tra kiểm tra quá 01 lần/năm.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định 316/QĐ-UBND của UBND tỉnh về Chương trình khởi nghiệp giai đoạn 2018-2020; thông tin đến các cá nhân về các khóa đào tạo, tập huấn về khởi sự doanh nghiệp, hội nghị, hội thảo, diễn đàn giới thiệu kinh nghiệm quản lý... theo các chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh.

4. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển đồng bộ nền kinh tế của thị xã

4.1. Tiếp tục triển khai thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng nhanh hơn tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, theo chiều sâu, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất.

a. Khu vực công nghiệp, xây dựng

- Tiếp tục rà soát lại các quy hoạch thuộc lĩnh vực ngành công nghiệp trên địa bàn có thể mạnh, phù hợp với quy hoạch ngành của toàn tỉnh.

- Đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, phát huy tốt năng lực sản xuất của các nhà máy hiện có, đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến trên địa bàn.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp thị xã; khuyến khích, thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp thị xã, với các ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, công nghiệp cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng hiện đại.

b. Khu vực thương mại, dịch vụ: Thực hiện các biện pháp đẩy mạnh công tác khuyến công và xúc tiến thương mại; thực hiện có hiệu quả các giải pháp đảm bảo cân đối cung cầu, nhất là đối với mặt hàng thiết yếu; triển khai tích cực Chương trình bình ổn thị trường góp phần bảo đảm mục tiêu kiểm soát lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội.

c. Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản:

- Chủ động phòng, chống thiên tai, kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học chất lượng cao vào sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu. Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp: Nâng cấp các công trình hồ chứa, đập dâng bị xuống cấp, đảm bảo dung tích thiết kế ban đầu, tiếp tục cứng hoá hệ thống kênh mương, chống tổn thất do thấm qua bờ kênh, lòng kênh, nâng cao hệ số sử dụng đất, phục vụ tưới ổn định, đảm bảo sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và phục vụ dân sinh. Tập trung xây dựng đường giao thông nông thôn, đặc biệt là đường giao thông nội đồng để vận chuyển nông sản được thuận lợi; giảm chi phí trung chuyển hàng nông sản; tăng lợi nhuận cho người nông dân.

- Cơ giới hóa trong nông nghiệp, gia tăng hiệu quả của hoạt động khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ: Tập trung hỗ trợ nâng cao tỷ lệ cơ giới vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao thu nhập. Phấn đấu năm 2020 tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất 90-95%, khâu gieo trồng 20-30%, khâu phòng trừ sâu bệnh 50 – 60%, thu hoạch, bảo quản, chế biến nông sản đạt 70 - 80%.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, sản phẩm trồng trọt có lợi thế của địa phương như: rau, hoa...đồng thời thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm để tạo kênh phân phối thuận tiện, bền vững đưa sản phẩm dễ dàng đến với người tiêu dùng. Tạo môi trường thuận lợi, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất gắn với chế biến, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; triển khai đồng bộ cơ chế chính sách khuyến khích mạng lưới tư thương phát triển làm đầu mối thu mua tiêu thụ nông sản cho nông dân.

4.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật đầu tư công

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho tư nhân tham gia đầu tư phát triển hạ tầng.

- Quan tâm đầu tư phát triển cơ sở vật chất các ngành giáo dục và đào tạo, y tế, du lịch, thông tin và truyền thông,...

- Việc lựa chọn nhà thầu phải đảm bảo năng lực, uy tín, khắc phục tình trạng yếu kém về năng lực tài chính, thi công, yếu kém về công nghệ, kéo dài thời gian thi công; quản lý tốt nợ đọng trong đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tăng cường thực hiện công tác đấu thầu qua mạng theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Bộ Tài chính. Trong năm 2020 đảm bảo tỷ lệ lựa chọn nhà thầu qua mạng tối thiểu 50% số lượng gói thầu chào hàng cạnh tranh, 40% số lượng các gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế.

4.3. Quản lý tài chính, ngân sách, tín dụng

- Rà soát từng khoản thu, từng sắc thuế để triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp khai thác tối đa nguồn thu, đảm bảo hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế, chống buôn lậu, gian lận thương mại, gian lận thuế; tăng cường thu hồi các khoản nợ đọng thuế. Đảm bảo cân đối ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

- Khuyến khích mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn thị xã. Ưu tiên cho vay đầu tư phát triển các lĩnh vực sản xuất, phát triển nông nghiệp nông thôn. Tăng cường công tác tuyên truyền, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm việc cho vay không qua hệ thống ngân hàng, cho vay nặng lãi, hiện tượng huy động vốn có dấu hiệu của tội phạm lừa đảo. Khuyến cáo rộng rãi để các tổ chức, cá nhân biết những tác hại, rủi ro, cơ sở pháp lý liên quan đến tín dụng đen. Bên cạnh việc tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng, cần rà soát, đánh giá từng khoản nợ xấu để có biện pháp xử lý phù hợp.

5. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực: văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân

5.1. Đảm bảo an sinh xã hội và các lĩnh vực khác

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, giúp đỡ các làng đồng bào dân tộc thiểu số theo hướng phát triển bền vững; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, người có thu nhập thấp để khuyến khích, động viên, giúp người lao động ổn định cuộc sống và yên tâm sản xuất.

- Tăng cường phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Trường Trung cấp kinh tế - kỹ thuật Đông Gia Lai xây dựng hình thức đào tạo, chương trình đào tạo nghề cho

phù hợp với xu thế của thị trường lao động hiện nay; ứng dụng có hiệu quả các phương tiện kỹ thuật tiên tiến, phát triển nhiều loại hình dạy nghề và tổ chức liên kết nhằm giải quyết việc làm cho học viên sau khi học nghề.

5.2. Về y tế, chăm sóc sức khỏe toàn dân

- Tăng cường thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn; thường xuyên giám sát tình hình bệnh dịch tại địa phương nhằm phát hiện sớm, khống chế không để dịch bệnh lây lan trên diện rộng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng các kỹ thuật mới vào khám, điều trị nhằm nâng cao hơn nữa về chất lượng khám, điều trị cho bệnh nhân; đổi mới thái độ, phong cách phục vụ của đội ngũ nhân viên y tế; triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế và công tác DS-KHHGD.

- Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phân cấp ngành y tế và các cơ sở hành nghề y, được tư nhân trên địa bàn thị xã.

- Tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ trong việc triển khai thực hiện duy trì và củng cố kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020 tại các xã, phường.

5.3. Giáo dục, đào tạo

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ quản lý và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đồng thời tăng cường kỷ cương nề nếp, kịp thời chấn chỉnh các biểu hiện tiêu cực chạy theo thành tích, dạy thêm, học thêm không đúng quy định.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, huy động mọi nguồn lực xã hội để đầu tư, chăm lo phát triển giáo dục và xây dựng xã hội học tập.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, hiện đại đạt trường chuẩn quốc gia.

5.4. Văn hóa, thể dục thể thao

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước các hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông, du lịch theo quy định hiện hành.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

- Tăng cường giới thiệu quảng bá rộng rãi hình ảnh con người, văn hóa các dân tộc địa bàn thị xã nhằm thu hút vốn đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trung ương gắn với việc phát triển tài nguyên du lịch; tập trung bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử của quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo trên địa bàn thị xã.

- Duy trì tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao hàng năm, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao tại cộng đồng. Tập trung đầu tư cho các môn thể thao thể mạnh của thị xã.

5.5. Bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu

- Tăng cường tuyên truyền giáo dục trong nhân dân để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường, sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước, không khí; khuyến khích việc ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ trong khai thác, sản xuất và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu tác hại tiêu cực đến môi trường.

- Tăng cường quản lý đất đai, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Lựa chọn doanh nghiệp quản lý vận hành khai thác có hiệu quả nhà máy xử lý rác thải, mở rộng địa bàn thu gom xử lý rác thải trong sinh hoạt và trong sản xuất.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong các khu dân cư có khả năng gây ô nhiễm môi trường vào cụm công nghiệp thị xã.

- Tiếp tục đề xuất với Trung ương và tỉnh sớm triển khai thực hiện dự án xây dựng các đập dâng trên sông Ba để duy trì nguồn nước mặt, tạo dòng chảy góp phần chống ô nhiễm đồng thời vận động nhân dân trồng cây xanh tạo ra môi trường xanh, đẹp, và nguồn không khí trong lành.

6. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xây dựng, hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục sắp xếp, tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã theo đúng quy định hiện hành; củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng phòng chuyên môn tránh sự chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Tăng cường phân cấp, ủy quyền quản lý theo quy định nhằm nâng cao tính chủ động, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường.

- **Đẩy mạnh cải cách thể chế công vụ, công chức; cơ cấu đội ngũ CBCCVC; đổi mới lề lối làm việc, nâng cao đạo đức công vụ; tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh.**

7. Quốc phòng, an ninh

- Triển khai nhiệm vụ quốc phòng, công tác quân sự địa phương gắn với nền quốc phòng toàn dân, xây dựng cơ sở xã, phường vững mạnh về quốc phòng - an ninh, đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; gắn quy hoạch quốc phòng với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tích cực tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của mỗi người dân về xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

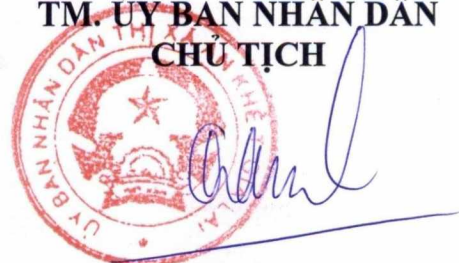
- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, ngừa phát hiện, đấu tranh ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tập trung công tác chuyển hóa địa bàn trọng điểm, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn trong các dịp lễ, các sự kiện chính trị quan trọng; thực hiện quyết liệt các giải pháp kiểm chế, đẩy lùi tai nạn giao thông; tăng cường phòng chống cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo để Sở Kế hoạch và Đầu tư biết, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- CT, PCT UBND thị xã;
- Lưu: VT, TCKH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Vỹ 21



Biểu số 1
CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP

(Kèm theo báo cáo số 101/BC-UBND ngày 19/8/2019 của UBND thị xã An Khê)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019				KH năm 2020	KH năm 2020/U' năm 2019 (%)
				Kế hoạch 2019	TH 6 tháng 2019	U' năm 2019	U' năm 2019/ năm 2018 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Chỉ tiêu kinh tế								
1	Tổng giá trị sản xuất								
*	Theo giá so sánh năm 2010	Tỷ đồng	6.255,66	7.133,65	4.273,01	7.065,26	112,94	7.978,01	112,92
	- Nông, lâm, thủy sản	Tỷ đồng	569,86	656,15	321,2	610,61	107,15	663,01	108,58
	- Công nghiệp, xây dựng	Tỷ đồng	3.205,20	3.426,36	2406,52	3.539,00	110,41	3.925,00	110,91
	- Thương mại - dịch vụ	Tỷ đồng	2.480,60	3.051,14	1.545,29	2.915,65	117,54	3.390,00	116,27
*	Theo giá hiện hành	Tỷ đồng	9.384,75	10.546,84	6.498,29	10.756,64	114,62	12.291,00	114,26
	- Nông, lâm, thủy sản	Tỷ đồng	982,04	1.029,50	503,96	1.075,64	109,53	1.233,00	114,63
	- Công nghiệp, xây dựng	Tỷ đồng	5.128,32	5.511,64	3.914,08	5.756,00	112,24	6.478,00	112,54
	- Thương mại - dịch vụ	Tỷ đồng	3.274,39	4.005,70	2.080,25	3.925,00	119,87	4.580,00	116,69
*	Cơ cấu GTSX theo giá hiện hành	%	100,00	100,00		100,00	100,00	100,00	
	- Nông, lâm, thủy sản	%	10,46	9,76		10,00	95,56	10,03	
	- Công nghiệp, xây dựng	%	54,65	52,26		53,51	97,92	52,71	
	- Thương mại - dịch vụ	%	34,89	37,98		36,49	104,58	37,26	
*	Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất	%		13,03		12,94		12,92	
	- Nông, lâm, thủy sản	%		4,90		7,15		8,58	
	- Công nghiệp, xây dựng	%		6,90		10,41		10,91	
	- Thương mại - dịch vụ	%		23,00		17,54		16,27	
*	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	5	5	5	5	100,00	5	100,00
2	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	3.230,50	3.800,00	2.142,25	3.813,00	118,03	4.435,00	116,31
3	Thu NSNN	Tỷ đồng	90,397	92,070	53,932	96,300	106,53	81,120	84,24
4	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	296,125	298,214	125,358	359,941	121,55	377,024	104,75
5	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn (gồm vốn đầu tư NSNN, vốn nhân dân, vốn tín dụng...)	Tỷ đồng	1.447,00	1.750,00	879,00	1.758,00	121,49	2.100,00	119,45
6	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/ người/ năm	35,80	39,38		39,38	110,00	40,30	102,34

Biểu số 2

CÁC CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ, XUẤT NHẬP KHẨU

(Kèm theo báo cáo số 101/BC-UBND ngày 08/2019 của UBND thị xã An Khê)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019				KH năm 2020	KH năm 2020/U' năm 2019 (%)
				Kế hoạch 2019	TH 6 tháng 2019	U' năm 2019	U' năm 2019/ năm 2018 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN								
I	Tổng giá trị sản xuất (Theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	569,86	656,15	321,20	610,61	107,15	663,01	108,58
a)	Nông nghiệp:	Tỷ đồng	558,46	643,03	308,74	587,46	105,19	641,10	109,13
	- Trồng trọt	Tỷ đồng	446,38	469,41	245,63	475,47	106,52	515,3	108,38
	- Chăn nuôi	Tỷ đồng	81,45	154,33	50,27	90,65	111,30	102	112,52
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	19,53	19,29	12,84	21,34	109,27	23,8	111,53
b)	Lâm nghiệp:	Tỷ đồng	17,99	8,53	10,23	18,56	103,17	17	91,59
c)	Thủy sản:	Tỷ đồng	4,51	4,59	2,23	4,59	101,77	4,91	106,97
	- Nuôi trồng	Tỷ đồng	4,12	4,23	2,05	4,22	102,43	4,5	106,64
	- Khai thác	Tỷ đồng	0,39	0,36	0,18	0,37	94,87	0,41	110,81
II	Các ngành sản xuất								
1	Trồng trọt								
	Tổng DTGT	Ha	9.316,00	9.581,00	7.114,00	9.155,00	98,27	9.576,00	104,60
	Tổng SLLT	Tấn	7.501,60	9.560,90	3.152,20	6.182,70	82,42	9.590,80	155,12
	Trong đó : Thóc	Tấn	6.565,60	8.624,90	2.836,20	5.866,70	89,36	8.726,80	148,75
1.1	Cây lương thực	Ha	1.312,00	1.569,00	555,00	1.106,00	84,30	1.556,00	140,69
a)	Lúa cả năm:	Ha	1.132,0	1.374,0	489,0	1.040,0	91,87	1.376,0	132,31
	NS	Tạ/ha	58,0	62,8	58,0	56,4	97,26	63,4	112,43
	SL	Tấn	6.565,60	8.624,90	2.836,20	5.866,70	89,36	8.726,80	148,75
	Lúa đông xuân	Ha	450,0	487,00	489,00	489	108,67	489	100,00
	NS	Tạ/ha	58,0	66,00	58,00	58,00	100,00	66,00	113,79
	SL	Tấn	2.610,0	3.214,20	2.836,20	2836,2	108,67	3227,4	113,79
	Lúa vụ mùa	Ha	682,0	887,00	0,00	551	80,79	887	160,98
	NS	Tạ/ha	58,0	61,00	0,00	55	94,83	62	112,73
	SL	Tấn	3.955,6	5.410,70	0,00	3030,5	76,61	5499,4	181,47
b)	Ngô:	Ha	180,0	195,0	66,00	66,00	36,67	180,00	272,73
	- Năng suất	Tạ/ha	52,0	48,0	47,88	47,88	92,07	48,00	100,25
	- Sản lượng	Tấn	936,0	936,00	316,00	316,00	33,76	864,00	273,42
1.2	Cây tinh bột có củ	Ha	2.020,00	2.380,00	2.146,00	2.550,00	126,24	2.380,00	93,33
	Sắn cả năm	Ha	2.020,0	2.380,00	2.146,00	2.550,00	126,24	2.500,00	98,04
	NS	Tạ/ha	260,0	260,00	260,00	250,00	96,15	260,00	104,00
	SL	Tấn	52.520,0	61.880,0	55.796,00	63.750,0	121,38	65.000,0	101,96
1.3	Cây thực phẩm	Ha	1.954,00	1.974,00	1.081,00	1.853,00	94,83	1.955,00	105,50
a)	Đậu các loại	Ha	54,0	64,00	43,00	43,00	79,63	45,00	104,65
	NS	Tạ/ha	8,5	9,00	8,50	8,50	100,00	9,00	105,88
	SL	Tấn	45,9	57,6	36,55	36,55	79,63	40,50	110,81
b)	Rau các loại (có cả tre lấy măng)	Ha	1.900,0	1.910,0	1.038,00	1.810,00	95,26	1.910,0	105,52
	NS	Tạ/ha	216,0	217,0	215,00	215,00	99,54	215,00	100,00
	SL	Tấn	41.040,0	41.447,0	22.317,00	38.915,00	94,82	41.065,00	105,52

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019				KH năm 2020	KH năm 2020/U' năm 2019 (%)
				Kế hoạch 2019	TH 6 tháng 2019	U' năm 2019	U' năm 2019/ năm 2018 (%)		
1.4	Cây công nghiệp ngắn ngày	Ha	3.529,00	2.778,00	2.816,00	2.816,00	79,80	2.585,00	91,80
a)	Lạc	Ha	9,0	15,00	6,00	6,00	66,67	15,00	250,00
	NS	Tạ/ha	9,0	10,00	9,00	9,00	100,00	9,00	100,00
	SL	Tấn	8,1	15,00	5,40	5,40	66,67	13,50	250,00
b)	Thuốc lá	Ha	1,0	18,00	0,00	0,00		0,00	
	NS	Tạ/ha	12,0	19,00	0,00	0,00		0,00	
	SL	Tấn	1,2	34,20	0,00	0,00		0,00	
c)	Mía tổng số	Ha	3.519,00	2.745,00	2.810,00	2.810,00	79,85	2.570,00	91,46
	Trồng mới	Ha	474,0	500,00	565,00	565,00	119,20	500,00	88,50
	Thu hoạch	Ha	3.519,0	2.745,00	0,00	2.810,00	79,85	2.570,00	91,46
	NS	Tạ/ha	650,0	680,00	0,00	600,00	92,31	600,00	100,00
	SL	Tấn	2.287.350,0	1.866.600,0	0,0	168.600,0	7,37	154.200,0	91,46
1.5	Cây HM khác (Ốt cay, hoa, cây cảnh, cỏ chăn nuôi...)	Ha	431,0	580,0	306,00	580	134,57	600	103,45
1.6	Cây ăn quả, cây dược liệu, ...	Ha	70,0	300,0	210,00	250	357,14	500	200,00
2	Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu								
-	Đàn trâu	Con	450	490	430,00	450	100,00	450	100,00
-	Đàn bò	Con	15.000	15.600	13.818,00	14.000	93,33	15.700	112,14
	Tỷ lệ bò lai	%	77,0	78,00	77,00	78	101,30	80	102,56
-	Đàn heo	Con	19.000	19.000	12.870,00	14.000	73,68	19000	135,71
3	Lâm nghiệp								
*	Diện tích giao khoán QLBR	Ha	123,2	133,3	116,54	126,64	102,78	150,00	118,45
*	Tỷ lệ che phủ rừng	%	21,16	21,23	21,20	21,23	100,33	21,50	101,27
*	Khai thác gỗ (rừng trồng)	m3	9.500,0	10.000,0	5.000,00	10.000,00	105,26	10.000,00	100,00
4	Thủy sản								
a)	Diện tích	Ha	570,0	580,0	520,0	580,0	101,75	580,0	100,00
-	Diện tích nuôi trồng	Ha	100	100	40,00	100	100,00	100	100,00
-	Diện tích khai thác	Ha	470	480	480,00	480	102,13	480	100,00
b)	Sản lượng	Tấn	168,00	171,00	68,00	171,00	101,79	189,30	110,70
-	Sản lượng khai thác	Tấn	10,00	11,00	3,00	11	110,00	11,30	102,73
-	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	158,00	160,00	65,00	160	101,27	178	111,25
5	Phát triển nông thôn								
-	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98,5	99,3	99	100	101,52	100	100,00
-	Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã	Tiêu chí	19	19	19	19	100,00	19	100,00
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (lưu kết)	Xã	5	5	5,00	5	100,00	5	100,00
-	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100	100	100	100	100,00	100	100,00
B	CÔNG NGHIỆP								
1	Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh năm 2010	Tỷ đồng	2.641,00	2.810,08	1.957,02	2.924,00	110,72	3.256,00	111,35
2	Một số sản phẩm chủ yếu:								
-	Gỗ ván MDF	m3	61.850	47.000	23.700,00	58.750	94,99	63.000	107,23
-	Đường tinh	Tấn	220.598	230.000	112.645,00	227.000	102,90	235.000	103,52
-	Đá xây dựng	Tấn	70.000	75.000	37.270,00	75.000	107,14	80.500	107,33
-	Gạch các loại	Tr.viên	16	20	4,50	7,48	46,75	8,7	116,31
-	Tinh bột sắn	Tấn	31.383	38.000	22.040,00	38.000	121,08	43.000	113,16

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019				KH năm 2020	KH năm 2020/U' năm 2019 (%)
				Kế hoạch 2019	TH 6 tháng 2019	U' năm 2019	U' năm 2019/ năm 2018 (%)		
	- Nước sinh hoạt	1000 m3	998	1.660	620,00	1.600	160,32	2.350	146,88
	- Điện thương phẩm	Tr.kwh	74	78	39,85	78,08	105,51	82	105,02
	- Điện sản xuất	Tr.kwh	112	112	40,35	105,8	94,46	113	106,81
C	DỊCH VỤ								
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	3.230,50	3.800,00	2.142,25	3.813,00	118,03	4.435,00	116,31
2	Bưu chính viễn thông								
	- Doanh thu	Tỷ đồng	104,32	115,50	55,00	110	105,44	115	104,55
3	Giao thông vận tải								
	- Khối lượng vận chuyển hàng hoá	1.000 Tấn	1.395	1.568	761,50	1523	109,18	1665	109,32
	- Khối lượng luân chuyển hàng hoá	1000tấn.Km	191.115	214.816	102.683,50	205367	107,46	223147	108,66
	- Khối lượng vận chuyển hành khách	1.000 HK	934	1.075	520,50	1041	111,46	1175	112,87
	- Khối lượng luân chuyển hành khách	1000 HK.Km	153.176	176.325	86.630	173.259	113,11	197.962	114,26
	- Doanh thu	Tỷ đồng	45,67	62,25	29,00	58	127,00	71	122,41



Biểu số 3
CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI
(Kèm theo báo cáo số 104/BC-UBND ngày 18/2019 của UBND thị xã An Khê)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019				KH năm 2020	KH năm 2020/U' năm 2019 (%)
				Kế hoạch 2019	TH 6 tháng 2019	U' năm 2019	U' năm 2019/ năm 2018 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	DÂN SỐ								
1	Dân số trung bình	Người	68.390	69.234	69.011	69.234		70.003	
2	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,08	1,10		1,10		1,11	
3	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,01	1,00		1,00		0,96	
4	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,01	0,02		0,02			
II	LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM								
1	Tổng số lao động đang làm việc	Người	41.914	42.752	42.653	42.752		43.607	
2	Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	Người	1.100	1.100	674	1.100		1.120	
3	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	0	0	22				
4	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	31,78	33,48	32,43	33,48		35,5	
III	GIÀM NGHÈO								
1	Tổng số hộ của thị xã	Hộ	16.624	16.819	16.624	16819		16989	
2	Số hộ nghèo	Hộ	357	311	362	311		241	
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%	2,15	1,87	2,18	1,87		1,45	
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,83	0,28		0,28		0,42	
5	Số hộ cận nghèo	Hộ	598	395		395		333	
6	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	3,6	2,38		2,38		2	
7	Số hộ thoát nghèo	Hộ	168	46		46		70	
8	Số hộ tái nghèo	Hộ	3	0		0		0	
IV	CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU								
1	Tổng số xã của thị xã	Xã	5	5	5	5		5	
	Trong đó:								
	+ Số xã đặc biệt khó khăn (theo tiêu chuẩn của Chương trình 135)	Xã	0	0	0	0		0	
	+ Số xã biên giới (nếu có)	Xã	0	0	0	0		0	
	+ Số xã có đường ô tô đến trung tâm	Xã	5	5	5	5		5	
	+ Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm	%	100	100	100	100		100	
	+ Số xã có trạm y tế	Xã	5	5	5	5		5	
	+ Tỷ lệ xã có trạm y tế	%	100	100	100	100		100	
	+ Số xã phường có nhà văn hoá, thư viện	Xã, phường	11	11	11	11		11	
	+ Số xã có bưu điện văn hoá xã	Xã	4	4	4	4		4	
	+ Tỷ lệ xã có bưu điện văn hoá xã	%	80	80	80	80		80	
	+ Số xã có chợ xã, liên xã	xã	5	5	5	5		5	
	+ Tỷ lệ xã có chợ xã, liên xã	%	100	100	100	100		100	
2	- Số hộ được sử dụng điện	Hộ	16.624	16.819	16.619	16.814		16.986	
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	100	100	99,97	99,97		99,98	
V	Y TẾ - XÃ HỘI								
1	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	80,93	85	78,41	85		88	
2	Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Người	3.909	4.150	3.833	4.200		4.500	
3	Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	17,55	17,33	17,39	17,33		21,43	
4	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	5,85	6,07	6,09	6,07		6,43	
5	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	45,45	45,45	45,45	45,45		54,55	
6	Tỷ lệ trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo tiêu chuẩn hiện hành)	%	100	100	100	100		100	
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	9,71	9,66		9,45		9,45	
8	Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	xã, phường	11	11	11	11		11	
9	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	100	100	100	100		100	
VI	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO								
1	Tổng số học sinh	Học sinh	18.511	18.674	18.615	18.790		19.005	
	+ Mẫu giáo	Học sinh	3.273	3.424	3.285	3.297		3.505	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019				KH năm 2020	KH năm 2020/U' năm 2019 (%)
				Kế hoạch 2019	TH 6 tháng 2019	U' năm 2019	U' năm 2019/ năm 2018 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	+ Tiểu học	Học sinh	6.691	6.520	6.722	6.830		6.650	
	+ Trung học cơ sở	Học sinh	5.126	5.230	5.136	5.143		5.300	
	+ Trung học phổ thông	Học sinh	3.421	3.500	3.472	3.520		3.550	
2	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	90	92	92	92		94,2	
3	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:	%	96,00	99,80	94,95	97,55		100	
	+ Tiểu học	%	97,00	100,00	96,60	99,80		100	
	+ Trung học cơ sở	%	95,00	100,00	93,30	95,30		100	
4	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	82,14	92,86	85,71	89,29		92,86	
	Số trường được công nhận mới trong năm	Trường	5	2	0	1		1	
VII VĂN HOÁ									
1	- Số xã, phường có nhà văn hoá được xây dựng riêng	Xã, phường	0	11	0	0		5	
2	- Tỷ lệ dân số tham gia luyện tập TDTT thường xuyên	%	36	37,5	37,5	37,5		38	
3	- Tỷ lệ gia đình tham gia luyện tập TDTT thường xuyên	%	22	22,5	22,5	22,5		23	
4	Mật độ thuê bao Internet băng rộng/100 dân (hữu tuyến và cố định)	Thuê bao	11,6	11,8	12	12		12	
5	Số giờ phát thanh trong năm	Giờ	1.440	2.880	1.440	2.880		2.880	
6	Số giờ truyền hình trong năm	Giờ	8.213	16.425	8.232	16.425		16.425	
7	Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%				88		90	
8	Tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa quốc gia	%				95		95	
9	Điểm bưu điện văn hóa xã	Điểm				4		4	
10	Tỷ lệ xã có bưu điện văn hóa xã	%				80		80	

Biểu số 4

CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

(Kèm theo báo cáo số 104/BC-UBND ngày 18/8/2019 của UBND thị xã An Khê)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019				KH năm 2020	KH năm 2020/U' năm 2019 (%)
				Kế hoạch 2019	TH 6 tháng 2019	U' năm 2019	U' năm 2019/ năm 2018 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	93,5	93,5	93,86	94		94,5	
2	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (*)	%		50		50		50	
3	Số khu công nghiệp, cụm công nghiệp khu chế xuất đang hoạt động	Khu	1	1	1	1		1	
4	Số khu công nghiệp, cụm công nghiệp khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Khu	0	1				1	
5	Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	0	0				100	
6	Tỷ lệ che phủ rừng	%	#REF!	21,23	21,20	21,23		21,50	
7	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98,35	99,30	99,5	100		100	
8	Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch	%	100,00	100,00	100	100		100	
9	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn	%		85,00	84	84,5		85,5	

Ghi chú: (*) Giai đoạn 2011-2015 thực hiện theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg; giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ

Biểu số 5

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ

(Kèm theo báo cáo số 104/BC-UBND ngày 19/8/2019 của UBND thị xã An Khê)



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019				KH năm 2020	KH năm 2020/Ư năm 2019 (%)
				Kế hoạch 2019	TH 6 tháng 2019	Ư năm 2019	Ư năm 2019/ năm 2018 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8,00	9	10,00
A	PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ								
I	Hợp tác xã								
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	9	11	9	10	90,91	11	110,00
	Trong đó:								
-	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	0	2	0	1	50,00	1	100,00
-	Số hợp tác xã giải thể	HTX	2	0	0	0		0	
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	2.173	2.589	2.529	2.549	98,46	2.579	101,18
3	Tổng số lao động trong hợp tác xã	Người	205	239	170	182	76,15	194	106,59
	Trong đó: Số lao động là thành viên hợp tác xã	Người	189	204	150	162	79,41	174	107,41
II	Liên hiệp hợp tác xã		0	0	0	0		0	
-	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LHHTX	0	0	0	0		0	
III	Tổ hợp tác								
1	Tổng số tổ hợp tác đăng ký chứng thực	THT	0	3	1	1	33,33	2	200,00
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	0	20	10	16	80,00	20	125,00